TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂY HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 01 - 2022
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY HÒA TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa***:** Bà Lê Thanh Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Tấn Nghị, bà Phan Thị Liên.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thúy – Công chức Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa tỉnh Phú Yên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa tỉnh Phú Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 210/2021/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2021 về việc "*Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 02/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/01/2022 giữa:

Nguyên đơn: Bà D – sinh năm 1990.

Nơi ĐKNKTT: Thôn X, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên; Tạm trú: Thôn P, xã A, huyện T, Phú Yên.

Bị đơn: Ông H – sinh năm 1988.

Nơi cư trú: Thôn X, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên.

(*Cùng có đơn xin vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Nguyên đơn bà D trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông H, bà D kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên vào năm 2011. Sau khi kết hôn, hai bên sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp tính, ông H đối xử thiếu tế nhị, dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Sự việc kéo dài và từ năm 2019, bà D bỏ về phía bà ở thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên sinh sống. Từ đó, không ai còn quan tâm đến ai. Nay, nhận thấy tình cảm đã hết nên bà D xin được ly hôn ông H.

- Về con chung: Có 02 con chung tên là Q – sinh ngày 28/8/2012, hiện do ông H nuôi dưỡng; N – sinh ngày 17/7/2015 hiện do bà D nuôi dưỡng. Bà D xin nuôi con tên N, giao ông H nuôi con tên Q như lâu nay đã nuôi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

** Bị đơn ông H* thống nhất ly hôn, thống nhất giao mỗi người nuôi 01 con như đã nuôi, thống nhất không yêu cầu giải quyết tài sản nhưng ông H không đến Tòa tham gia phiên hòa giải nên không tiến hành hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét ý kiến trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn xin vắng mặt. Áp dụng Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng bà D, ông H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T vào ngày 16/8/2011 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Bà D khai trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, do không hợp tính, thường xuyên cãi nhau, hai bên tự xa nhau từ năm 2019 đến nay, không ai quan tâm ai nên xin được ly hôn. Mâu thuẫn giữa hai bên đã được chính quyền địa phương xác nhận. Ông H có ý kiến thông nhất ly hôn.

Như vậy, đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa ông H, bà D đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà D.

[3] Về con chung: Xét thấy con chung tên Q lâu nay do ông H nuôi dưỡng; con chung tên N do bà D nuôi dưỡng; cháu Q đã quen sống cùng ông H, cháu N đã quen sống cùng bà D, cháu N có nguyện vọng được sống cùng bà D. Do đó, để cháu N, cháu Q phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần, cần giao cháu Q cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu N cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng; không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung*:* Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[5] Về án phí DSST: Bà D phải chịu: 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Bà D được ly hôn ông H.

2. Về con chung: + Giao con chung tên là Q – sinh ngày 28/8/2012 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng;

+ Giao con chung tên N – sinh ngày 17/7/2015 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông H, bà D không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Bà D phải chịu: 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí về yêu cầu xin ly hôn. Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* mà bà D đã nộp tại biên lai thu tiền số 0002080 ngày 26/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên. Như vậy, bà D đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND H. Tây Hòa;
- Cục THADS H. Tây Hòa;
- UBND xã H, huyện T
(GĐKKH số 84/2011, ngày 16/8/2011);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Thanh Huệ